

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 236/QĐ-UBND

*Biên Hòa, ngày 22 tháng 01 năm 2010***QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt quy hoạch vùng khuyến khích phát triển chăn nuôi,
các cơ sở giết mổ tập trung giai đoạn 2008 - 2015 và định hướng
đến năm 2020 của huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Quyết định số 394/QĐ-TTg ngày 13/3/2006 của Thủ tướng Chính phủ về khuyến khích đầu tư xây dựng mới, mở rộng cơ sở giết mổ chế biến gia súc, gia cầm và cơ sở chăn nuôi gia cầm tập trung công nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 01/2008/QĐ-UBND ngày 03/01/2008 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc quy định quy hoạch vùng khuyến khích phát triển chăn nuôi; Quyết định số 03/2008/QĐ-UBND ngày 10/01/2008 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc quy định về điều kiện giết mổ, buôn bán, vận chuyển động vật và sản phẩm động vật trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 1034/QĐ-UBND ngày 16/4/2009 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt đề cương - dự toán quy hoạch vùng khuyến khích phát triển chăn nuôi, các cơ sở giết mổ tập trung giai đoạn 2009 - 2015 và định hướng đến năm 2020 huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai;

Xét đề nghị của UBND huyện Vĩnh Cửu tại Tờ trình số 173/TTr-UBND ngày 29/12/2009, Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tại Tờ trình số 104/TTr-SNN-NN ngày 18/01/2010 về việc phê duyệt quy hoạch vùng khuyến khích phát triển chăn nuôi, các cơ sở giết mổ tập trung huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt báo cáo quy hoạch vùng khuyến khích phát triển chăn nuôi, các cơ sở giết mổ tập trung giai đoạn 2009 - 2015 và định hướng đến năm 2020 huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai với các nội dung chủ yếu sau:

1. Quan điểm phát triển ngành chăn nuôi

- Chăn nuôi là ngành kinh tế quan trọng trong sản xuất nông nghiệp của huyện, tăng tỷ trọng chăn nuôi là giải pháp chủ yếu để duy trì và nâng cao giá trị của sản xuất nông nghiệp.

- Phát triển chăn nuôi phải gắn với bảo vệ môi trường và cải tạo môi trường đất trồng trọt. Chuyển đổi phương thức chăn nuôi với các giải pháp xử lý chất thải bằng các công nghệ phù hợp nhằm giảm ô nhiễm môi trường chăn nuôi và môi trường sống. Chất thải chăn nuôi được xử lý cung cấp nguồn năng lượng sạch phục vụ cho sinh hoạt và sản xuất nông nghiệp và nông thôn.

- Áp dụng công nghệ tiên tiến, từng bước công nghiệp hóa và hiện đại hóa ngành chăn nuôi theo hướng trang trại và nâng cao hiệu quả, khả năng kiểm soát dịch bệnh.

- Khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi để các hộ chăn nuôi trên địa bàn huyện chuyển nhanh chăn nuôi phân tán, quy mô nhỏ thành các trang trại chăn nuôi với quy mô lớn. Từng bước di dời các trang trại chăn nuôi ở các khu vực cấm nuôi sang các vùng khuyến khích phát triển chăn nuôi. Tăng cường xây dựng cơ sở hạ tầng, khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi cho xây dựng các cơ sở sản xuất phân vi sinh hữu cơ sử dụng nguyên liệu từ chất thải chăn nuôi, sử dụng năng lượng sinh học.

- Phát huy lợi thế của từng tiểu vùng, nguồn lực, kết quả và kinh nghiệm nuôi của từng trang trại, nhu cầu thực tế của thị trường; khuyến khích các tổ chức và cá nhân đầu tư phát triển chăn nuôi trong đó chăn nuôi trang trại là xu hướng chủ đạo, đặc biệt chú trọng phát triển 02 loại vật nuôi có lợi thế nhất trên địa bàn huyện Vĩnh Cửu là heo, gà; nhằm tạo ra sản phẩm có chất lượng tốt, đảm bảo tiêu chuẩn an toàn vệ sinh thực phẩm, đảm bảo sản xuất lâu dài và ổn định.

- Nhà nước tạo môi trường thuận lợi cho ngành chăn nuôi phát triển ổn định và bền vững với cơ chế chính sách phù hợp để khuyến khích mọi thành phần kinh tế đầu tư cho nghiên cứu khoa học kỹ thuật, sản xuất giống chất lượng cao, xây dựng cơ sở chế biến sản phẩm chăn nuôi, sản xuất thức ăn, thuốc thú y, sản xuất phân bón từ nguồn chất thải chăn nuôi; tăng cường hệ thống quản lý Nhà nước và hệ thống giám sát sản phẩm chăn nuôi và thú y để các văn bản pháp luật và chính sách được thực thi một cách hiệu lực và hiệu quả cao.

2. Mục tiêu và phương hướng phát triển

a) Mục tiêu phát triển:

Nâng tỷ trọng giá trị sản xuất ngành chăn nuôi trong ngành nông nghiệp từ 23,5% vào năm 2008 lên 42 - 45% vào năm 2020.

- Chú trọng phát triển các vùng khuyến khích phát triển chăn nuôi, đưa tỷ lệ đàn heo chăn nuôi trang trại từ 21% như hiện nay lên 30% năm 2010, 70 - 75% năm 2015 và hầu hết được chăn nuôi trang trại vào cuối giai đoạn 2016 - 2020. Tỷ lệ đàn gia cầm nuôi trang trại tăng tương ứng từ 76% hiện nay lên 85% năm 2010, khoảng 90 - 95% vào năm 2015 và hầu hết được chăn nuôi trang trại vào cuối giai đoạn 2016 - 2020.

b) Phương hướng phát triển:

Chọn phương án II để thực hiện, phù hợp với định hướng quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của huyện Vĩnh Cửu, quy hoạch của ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn.

3. Quy mô phát triển ngành chăn nuôi.

Quy mô phát triển đàn heo và đàn gà đến năm 2020 như sau:

+ Đàn heo: Tăng từ 78.946 con năm 2008 lên 90.700 con năm 2010, lên 135.000 con năm 2015 và 200.000 con năm 2020.

+ Đàn gà: Tăng từ 321.855 con năm 2008, lên khoảng 372.700 năm 2010, lên 510.000 con năm 2015 và 725.000 con năm 2020.

4. Quy hoạch các vùng khuyến khích phát triển chăn nuôi

Tổng diện tích vùng KKPTCN trên địa bàn toàn huyện là 1.420 ha: Diện tích vùng KKPTCN giai đoạn I là 950 ha (66,9% vùng KKPTCN), diện tích vùng KKPTCN giai đoạn II là 470 ha (33,1% vùng KKPTCN).

Trong đó:

- Giai đoạn đầu vùng KKPTCN giai đoạn I sẽ được ưu tiên thu hút đầu tư phát triển chăn nuôi. Các vùng KKPTCN giai đoạn I sẽ được Nhà nước đầu tư cơ sở hạ tầng (đường, điện).

- Vùng KKPTCN giai đoạn II là quỹ đất dự trữ và sẽ được tiếp tục bố trí chăn nuôi chỉ khi diện tích các vùng KKPTCN giai đoạn I đã lấp đầy. Riêng các trang trại hiện có trong vùng này vẫn tiếp tục được phép chăn nuôi.

4.1. Bố trí các vùng khuyến khích phát triển chăn nuôi giai đoạn I:

Tổng số vùng KKPTCN giai đoạn I là 10 vùng, cụ thể như sau:

a) Xã Tân An: Diện tích 100 ha, gồm 01 vùng:

- Vùng KKPTCN giai đoạn I tại ấp Bình Chánh + cây Xoài, diện tích 100 ha. Đầu tư mở mới và nâng cấp 5,2 km đường lô nối từ tuyến trục Xi măng Hà Tiên đi vào vùng quy hoạch; đầu tư 5,2 km đường hạ thế dọc đường lô và 1,4 km đường trung thế.

b) Xã Trị An: Diện tích 80 ha, gồm 01 vùng:

- Vùng KKPTCN giai đoạn I tại ấp 1, diện tích 80 ha. Đầu tư nâng cấp tuyến đường ranh thị trấn, nâng cấp làm mới các tuyến đường lô trong vùng quy hoạch với tổng chiều dài 2,7 km đường trục và 2,1 km đường nhánh. Đầu tư 1,1 km đường trung thế và 2,1 km hạ thế và trạm biến áp.

c) Thị trấn Vĩnh An: Diện tích 235 ha, gồm 03 vùng:

- Vùng KKPTCN giai đoạn I khu phố 4: 45 ha. Đầu tư nâng cấp 1,8 km đường trục (từ tỉnh lộ 768 đi vào), 02 km đường lô trong vùng quy hoạch. Đầu tư 0,8 km điện trung thế 2,4 km hạ thế và trạm biến áp.

- Vùng KKPTCN giai đoạn I khu phố 3 + khu phố 6 + khu phố 7: 115 ha. Đầu tư nâng cấp 1,7 km đường trục, 2,4 km đường lô trong vùng quy hoạch, đầu tư 1,4 km điện hạ thế.

- Vùng KKPTCN giai đoạn I khu phố 2: 75 ha. Đầu tư nâng cấp 2,5 km đường trục, 01 km đường lô trong vùng quy hoạch. Đầu tư 2,0 km điện trung thế và 1,5 km điện hạ thế.

d) Xã Vĩnh Tân: Diện tích 145 ha, gồm 02 vùng:

- Vùng KKPTCN giai đoạn I ấp 3: 35 ha. Nâng cấp tuyến đường đất Vĩnh Tân - cây Diệp vào vùng quy hoạch dài 1,6 km, đầu tư nâng cấp và làm mới các tuyến đường lô với tổng chiều dài 1,4 km. Đầu tư 0,8 km trung thế và 1,4 km hạ thế dọc theo các tuyến đường lô.

- Vùng KKPTCN giai đoạn I ấp 3 + ấp 6: Diện tích 110 ha. Đầu tư nâng cấp hai tuyến đường ông Sủ và ông Ngọt vào vùng quy hoạch với tổng chiều dài 3,6 km, đầu tư nâng cấp khoảng 2,4 km đường lô nội vùng, đầu tư 1,2 km điện trung thế và 2,4 km điện hạ thế dọc các tuyến đường lô.

e) Xã Phú Lý: 100 ha, gồm 01 vùng:

- Vùng KKPTCN giai đoạn I tại ấp 4, diện tích 100 ha. Đầu tư nâng cấp tuyến đường từ tỉnh lộ 761 qua ngã ba chùa đi vào và các tuyến đường lô với tổng chiều dài 3,6 km đường trục 3,4 km đường lô. Đầu tư 2,3 km đường trung thế, 3,4 km đường hạ thế và trạm biến áp.

f) Xã Hiếu Liêm: Diện tích 290 ha, gồm 02 vùng:

- Vùng KKPTCN giai đoạn I ấp 3, diện tích 115 ha. Đầu tư nâng cấp tuyến đường từ lộ Hiếu Liêm vào và các tuyến đường lô với chiều dài đường trục là 1,7 km và 0,6 km đường lô; đầu tư 1,7 km tuyến trung thế và 0,6 km hạ thế.

- Vùng KKPTCN giai đoạn I ấp 1: Vùng này diện tích khoảng 175 ha, nếu áp dụng tiêu chuẩn về khoảng cách từ vùng KKPTCN đến sông suối theo Quyết định 01/2008/QĐ-UBND ngày 03/01/2008 của UBND tỉnh Đồng Nai thì vùng dự kiến quy hoạch tại ấp 1 cũng chưa đảm bảo khoảng cách theo quy định. Tuy nhiên, hiện nay đã hình thành hợp tác xã chăn nuôi và đã có dự án cụ thể tại vùng dự kiến quy hoạch vùng KKPTCN, trong đó vành đai ngoài của khu quy hoạch bố trí trồng cây xanh (khoảng cách từ mép ngoài vành đai đến vùng trung tâm là 300m), diện tích xây dựng chuồng trại chỉ chọn vị trí trong vùng trung tâm quy hoạch và mật độ xây dựng trang trại thấp; đối với khu vực này phải áp dụng và tuân thủ nghiêm ngặt các biện pháp xử lý môi trường theo quy định, không gây ô nhiễm môi trường. Hiện vùng này đã có tuyến đường đất từ điểm dân cư số 03 và tuyến đường đất vào Nhà máy Thủy điện Trị An đi vào khu quy hoạch; dự kiến đầu tư nâng cấp 1,5 km đường trục, 1,5 km đường nhánh, đầu tư 1,5 km đường điện hạ thế.

Quy hoạch các vùng khuyến khích phát triển chăn nuôi giai đoạn I
trên địa bàn huyện Vĩnh Cửu đến năm 2020

STT	Các vùng khuyến khích phát triển chăn nuôi giai đoạn I	Địa điểm (xã)	Diện tích (ha)
1	Vùng KKPTCN GD I ấp Bình Chánh + cây Xoài	Tân An	100
2	Vùng KKPTCN giai đoạn I ấp 1	Trị An	80
3	Vùng KKPTCN giai đoạn I khu phố 4	TT. Vĩnh An	45
4	Vùng KKPTCN giai đoạn I khu phố 3 + 6 + 7	TT. Vĩnh An	115
5	Vùng KKPTCN giai đoạn I khu phố 2	TT. Vĩnh An	75
6	Vùng KKPTCN giai đoạn I ấp 3	Vĩnh Tân	35
7	Vùng KKPTCN giai đoạn I ấp 3 + 6	Vĩnh Tân	110
8	Vùng KKPTCN giai đoạn I ấp 4	Phú Lý	100
9	Vùng KKPTCN giai đoạn I ấp 3	Hiếu Liêm	115
10	Vùng KKPTCN giai đoạn I ấp 1	Hiếu Liêm	175
	Tổng cộng		950

4.2. Quy hoạch vùng khuyến khích phát triển chăn nuôi giai đoạn II

Diện tích các vùng KKPTCN giai đoạn II toàn huyện là 470 ha, chiếm 33% diện tích vùng KKPTCN. Diện tích thuộc từng xã của huyện được thể hiện tại bảng 18, trong đó tập trung tại các xã: Phú Lý (230 ha), Hiếu Liêm (115 ha), Trị An (65 ha), Vĩnh Tân (35 ha), Tân An (25 ha).

5. Quy hoạch các cơ sở giết mổ tập trung: Quy hoạch 03 cơ sở giết mổ tập trung; phân bố trên địa bàn các xã, thị trấn: Vĩnh An (1,5 ha), Tân An (02 ha), Thạnh Phú (1,0 ha). Vị trí mỗi điểm được thể hiện trên bản đồ quy hoạch.

6. Tiến độ phát triển chăn nuôi, xây dựng các vùng khuyến khích phát triển chăn nuôi giai đoạn I và cơ sở giết mổ tập trung:

a) Phân kỳ phát triển: Phân kỳ theo các kế hoạch trung hạn, bao gồm 02 giai đoạn: Giai đoạn 2009 - 2015, 2016 - 2020.

b) Trọng tâm cần tập trung trong giai đoạn 2009 - 2015:

- Ổn định sản xuất, tổ chức di dời các cơ sở chăn nuôi nằm trong phạm vi cấm nuôi sang các vùng KKPTCN giai đoạn I một cách thuận lợi. Xây dựng các hợp tác xã dịch vụ chăn nuôi, nâng quy mô sản xuất, sản xuất thức ăn, tiêu thụ sản phẩm.

- Xây dựng cơ sở hạ tầng đến các vùng KKPTCN giai đoạn I và trong các vùng KKPTCN giai đoạn I ở khu vực trọng điểm di dời và phát triển.

- Triển khai các dự án ưu tiên đầu tư về xây dựng cơ sở hạ tầng vùng KKPTCN giai đoạn I ở địa bàn trọng điểm.

- Triển khai các mô hình chăn nuôi tiên tiến, các mô hình xử lý chất thải, chăn nuôi kết hợp trồng trọt và nuôi cá.

- Tăng cường quản lý dịch bệnh, kiểm dịch động vật, tiêu chuẩn an toàn vệ sinh thực phẩm, đặc biệt với các nguồn hàng qua huyện và các cơ sở chăn nuôi nhỏ.

+ Giai đoạn sau 2015

Đẩy mạnh công nghiệp hóa và hiện đại hóa phát triển chăn nuôi đạt trình độ khu vực, tăng sức cạnh tranh để có thể vươn ra thị trường xuất khẩu.

- Công nghiệp hóa: Khuyến khích tích tụ sản xuất, tăng quy mô đàn gia súc trong từng trại, cơ giới hóa và điện khí hóa các khâu vận chuyển, tự động hóa khâu cung cấp thức ăn, nước uống.

- Hiện đại hóa: Ứng dụng rộng rãi công nghệ chăn nuôi theo quy trình chăn nuôi an toàn, chuồng kín. Hiện đại hóa khâu giết mổ đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của từng thị trường. Kiểm soát chặt chẽ vệ sinh an toàn thực phẩm theo các tiêu chuẩn chất lượng của khu vực.

- Đẩy mạnh hợp tác trong sản xuất, tiêu thụ và giết mổ gia súc. Trong mỗi vùng KKPTCN đều có tổ hợp tác hoặc hợp tác xã.

- Kiểm soát chặt chẽ giết mổ, khép kín từ sản xuất đến chế biến và tiêu thụ sản phẩm. Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển chăn nuôi với trồng trọt, đặc biệt là trong sử dụng các phụ phẩm chăn nuôi cho phát triển trồng trọt bền vững.

- Đảm bảo xử lý môi trường theo Luật Môi trường. Đẩy mạnh bảo vệ và tôn tạo cảnh quan ở các vùng khuyến khích phát triển chăn nuôi.

- Nâng cấp đồng bộ cơ sở hạ tầng trong và ngoài khu chăn nuôi tập trung.

- Đưa Internet vào các vùng KKPTCN, giúp các trang trại cập nhật nhanh chóng các thông tin về tiến bộ kỹ thuật, công nghệ, mô hình xây dựng chuồng trại, các tiêu chuẩn vệ sinh an toàn thực phẩm, các tiêu chuẩn về thức ăn, con giống, các thông tin về thị trường tiêu thụ...

7. Vốn đầu tư

Trên cơ sở tiến độ phát triển và định mức đầu tư xây dựng tại từng thời điểm đầu tư. Vốn đầu tư cụ thể cho từng khu chăn nuôi tập trung, từng dự án sẽ được tính toán cụ thể khi tiến hành triển khai xây dựng dự án.

8. Hiệu quả kinh tế, xã hội và môi trường

a) Hiệu quả kinh tế

- Đạt được quy mô như trên, sẽ đưa giá trị sản xuất của ngành chăn nuôi tăng tương ứng từ 198.502 triệu đồng năm 2008 lên 328.008 triệu đồng năm 2010, 600.729 triệu đồng vào năm 2015 và đạt 1.164.94 triệu đồng vào năm 2020.

- Sản lượng thịt hơi tăng từ 9.600 tấn năm 2008 lên 13.228 tấn năm 2010, 21.652 tấn năm 2015 và đạt 39.343 tấn vào năm 2020.

Ước tính hiệu quả kinh tế chăn nuôi các loại vật nuôi chính
giai đoạn từ 2009 - 2020 huyện Vĩnh Cửu

Hạng mục	Đơn vị	Năm 2008	Năm 2010	Năm 2015	Năm 2020
1. Quy mô đàn					
- Heo thịt	Con	78.946	90.700	135.000	200.000
- Gia cầm thịt	Con	380.989	428.605	571.200	798.600
2. Sản lượng thịt hơi		9.600	13.228	21.652	39.343
- Thịt heo	Tấn	8.000	11.428	18.630	34.200
- Thịt gia cầm	Tấn	1.600	1.800	3.022	5.143
3. Trứng gia cầm	Triệu quả	9,0	12,5	23,1	30,9
4. Giá trị sản xuất chăn nuôi	Triệu đ	198.502	328.008	600.729	1.164.945
- Thịt heo	Triệu đ	168.000	285.705	521.640	1.026.000
- Thịt gia cầm	Triệu đ	22.402	32.403	60.433	113.146
- Trứng gia cầm	Triệu đ	8.100	9.900	18.656	25.800
5. Ước lao động chăn nuôi	Người	547	625	903	1.319
6. GTSX chăn nuôi/lao động CN	Triệu đ/ng	363	525	665	883

b) Hiệu quả xã hội

- Tăng tỷ lệ hộ giàu nhờ phát triển ổn định chăn nuôi trang trại, là ngành sản xuất nông nghiệp cho hiệu quả cao. Tạo việc làm do tăng quy mô chăn nuôi nên giảm được hộ nghèo.

- Tính chất sản xuất công nghiệp và ứng dụng các công nghệ nuôi theo hướng công nghệ cao trong chăn nuôi ở các trang trại sẽ đóng góp tích cực vào xúc tiến lộ trình CNH, HĐH phát triển nông nghiệp, nông thôn của huyện.

- Đời sống đảm bảo, người lao động có việc làm, thu nhập ổn định sẽ giúp ổn định an ninh nông thôn.

- Cung cấp sản phẩm thịt trứng cho nhu cầu tiêu dùng, cung cấp nguyên liệu cho các ngành chế biến.

c) Hiệu quả môi trường

Đưa chăn nuôi trong các khu dân cư ra bên ngoài, đảm bảo sức khỏe cho cộng đồng và mỹ quan khu dân cư.

- Khắc phục tình trạng ô nhiễm các khu dân cư, các cơ sở văn hóa, giáo dục y tế, các nguồn nước sinh hoạt.

- Nước rửa chuồng sau khi được xử lý được sử dụng tưới vào mùa khô, phân hữu cơ bón cho cây trồng giúp nâng cao chất lượng các sản phẩm trồng trọt và tuổi thọ vườn cây lâu năm. Cây cối xanh tốt vào mùa khô sẽ góp phần cải thiện vi khí hậu ở các khu vực CNTT và có ích cho diện rộng.

+ Tăng độ phì nhiêu đất đai, cải thiện độ tơi xốp, tăng hàm lượng hữu cơ cho đất canh tác trên địa bàn huyện và các địa phương khác.

+ Nguồn khí biogas được sử dụng đun nấu, phát điện, là những nguồn năng lượng sạch, giúp hạn chế xả khí thải vào môi trường.

9. Các giải pháp phát triển chăn nuôi, vùng khuyến khích phát triển chăn nuôi và khu giết mổ tập trung

a) Giải pháp về thị trường tiêu thụ

+ Trước mắt, với yêu cầu tăng sức cạnh tranh để đứng vững tại thị trường quốc nội trước sức ép của nguồn thịt ngoại nhập, giảm thiểu biến động xấu về giá cả, tạo sự an toàn cho người nuôi, giải pháp cần đặc biệt quan tâm là hạn chế tình trạng ép giá người nuôi, tránh tình trạng khủng hoảng thừa, ngăn chặn tình trạng sử dụng hóa chất cấm trong chăn nuôi, vận động chủ trang trại nâng cấp công nghệ nuôi để phối hợp với các cơ sở giết mổ, các nhà máy chế biến tiêu thụ ổn định sản phẩm.

+ Bên cạnh tiếp tục khai thác thị trường đã có, sẽ tăng cường liên kết với các cơ sở giết mổ lớn ở trong tỉnh và TP. Hồ Chí Minh để tạo thị trường ổn định.

+ Về lâu dài (sau năm 2015) cần đặc biệt chú trọng giải pháp mở rộng thị trường tiêu thụ, kể cả tìm kiếm thị trường xuất khẩu: Hiệp hội chăn nuôi trên địa bàn Đồng Nai phối hợp với các cơ quan chức năng để tìm thị trường. Về phía người sản xuất, cần đảm bảo uy tín về chất lượng sản phẩm (ví dụ: Trọng lượng từ 80 - 110 kg/con, thịt chắc, dai, đàn hồi tốt màu hồng đỏ tươi, không có tạp chất, không có băng đá, không được phép tái đông...) và tiêu chuẩn vệ sinh an toàn thực phẩm (các chỉ tiêu chất lượng theo đúng tiêu chuẩn TCVN 7046-2002) để đứng vững trên thị trường xuất khẩu khi đã có cơ hội. Về phía các cơ quan quản lý cần từng bước siết chặt các tiêu chuẩn về vệ sinh an toàn thực phẩm, an toàn dịch bệnh, từ khâu giống, thức ăn, đến công nghệ nuôi và phòng trừ dịch hại, kiểm soát chặt chẽ giết mổ.

b) Giải pháp về khoa học công nghệ

+ Hiện đại hóa sản xuất là yêu cầu và cũng là điều kiện quyết định thành công trong cạnh tranh của ngành chăn nuôi. Trước mắt, tập trung cho công nghệ sản xuất thức ăn (với yêu cầu hạ giá thành, giúp tăng trọng nhanh), kiểm soát dịch bệnh, nhân giống và dịch vụ sử dụng giống tốt, xây dựng chuồng trại đáp ứng yêu cầu của các công nghệ nuôi tiên tiến một cách phù hợp với từng quy mô trang trại, mô hình xử lý chất thải cho từng loại vật nuôi và từng quy mô nuôi.

+ Hiện đại hóa khâu nuôi lợn đực giống, cung cấp con nái chất lượng cao cho các hộ nuôi thương phẩm, kết hợp tổ chức lai tạo tốt để nâng cao tỷ lệ thụ tinh so với hiện nay, giảm số lần thụ tinh và chi phí thụ tinh.

+ Cần ứng dụng nhanh các công nghệ quản lý và giám sát dịch bệnh. Kết hợp giữa phòng trừ dịch bệnh một cách nghiêm ngặt trên địa bàn với kiểm dịch một cách thường xuyên và xử lý thật nghiêm các nguồn lây bệnh từ bên ngoài.

+ Ứng dụng linh hoạt công nghệ xử lý chất thải chăn nuôi, sử dụng tốt nguồn chất thải từ chăn nuôi (làm khí biogas, sản xuất phân hữu cơ vi sinh). Nhanh chóng loại bỏ các công nghệ nuôi gây ô nhiễm môi trường (phun nước cho gà, làm ao tắm trong khuôn viên chuồng, không xây dựng các công trình xử lý chất thải).

+ Khuyến cáo các công nghệ nuôi tiên tiến, an toàn sinh học, theo mô hình chuồng kín, trước mắt với chăn nuôi gà công nghiệp và các trại chăn nuôi lợn có quy mô lớn, từng bước mở rộng phạm vi trên địa bàn huyện.

c) Giải pháp về xử lý ô nhiễm môi trường

Tăng cường các biện pháp quản lý để ngăn chặn gia tăng ô nhiễm và từng bước hạn chế ô nhiễm môi trường, quản lý môi trường theo Luật Môi trường:

- Các cơ sở chăn nuôi phải có cam kết tự xử lý môi trường đảm bảo yêu cầu về vệ sinh môi trường theo quy định của cơ quan chức năng về môi trường. Phải có tường rào ngăn cách trang trại với bên ngoài và chiều cao từ 02m trở lên. Không được xả chất thải, nước thải chưa được xử lý vào môi trường.

- Trước mắt ứng dụng các mô hình xử lý môi trường có hiệu quả và thiết thực như: Mô hình làm biogas, mô hình sử dụng hệ thống bể lắng, xả nước đã được xử lý theo hệ thống tiêu hoặc ra ao chứa...

- Về lâu dài, thử nghiệm mô hình xử lý hiện đại khác để ứng dụng rộng rãi các mô hình phù hợp như: Mô hình xử lý toàn bộ chất thải bằng phương pháp biogas kết hợp phát điện, xử lý chất thải chăn nuôi bằng công nghệ sinh học, sử dụng các chế phẩm sinh học bổ sung trong thức ăn chăn nuôi và ủ phân (nước CTAIR-1 và CTAIR-2) nhằm giảm ô nhiễm môi trường.

- Vận động bỏ các công nghệ nuôi có nguy cơ gây ô nhiễm cao như phun nước cho gà, làm bể tắm cho heo...

- Vị trí xây dựng các trại chăn nuôi đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường và theo khoản 2 Điều 2 trong Pháp lệnh Thú y, riêng tỷ lệ cây xanh theo tiêu chuẩn TCVN 3772-83 (quy định, tỷ lệ cây xanh khoảng 35 - 40%) và đã được cụ thể hóa trong quy chế khu chăn nuôi tập trung.

d) Giải pháp về huy động vốn cho xây dựng cơ sở hạ tầng và hỗ trợ vốn cho phát triển chăn nuôi.

Vốn xây dựng cơ sở hạ tầng các vùng khuyến khích phát triển chăn nuôi và xây dựng các mô hình được lấy từ nguồn ngân sách và các chương trình nghiên cứu thử nghiệm, hỗ trợ các cơ sở chế biến phân hữu cơ vi sinh, kinh phí hoạt động của hiệp hội. Nhà sản xuất tự huy động vốn cho xây dựng chuồng trại, chi phí sản xuất kinh doanh từ các nguồn tự có, huy động từ người thân, vay từ ngân hàng, trợ giúp thân nhân nước ngoài...

+ Nhà nước tạo điều kiện cho các ngân hàng mở chi nhánh trên địa bàn huyện. Khuyến khích hình thành các tổ chức tín dụng nhân dân. Khuyến khích các nhà máy sản xuất thức ăn gia súc tăng quy mô chăn nuôi gia công trên địa bàn huyện.

+ Lồng ghép với chương trình xây dựng cơ sở hạ tầng, tranh thủ sự hỗ trợ từ các chương trình của Bộ Nông nghiệp và PTNT, trước mắt là chương trình chuyển giao các công nghệ nuôi heo và gà theo hướng an toàn sinh học và giảm thiểu ô nhiễm môi trường. Tạo điều kiện tốt về thủ tục đăng ký đầu tư và ưu đãi về đất đai.

e) Giải pháp về tổ chức phát triển chăn nuôi và triển khai dự án phát triển chăn nuôi, xây dựng vùng khuyến khích phát triển chăn nuôi

- Các chính sách hiện hữu có liên quan đến phát triển chăn nuôi: Các hộ chăn nuôi tại các vùng khuyến khích phát triển chăn nuôi được hưởng chính sách ưu đãi nhất về đất đai và đất xây dựng chuồng trại cũng là đất nông nghiệp nên không phải xin giấy phép xây dựng mà chỉ cần giấy phép chăn nuôi. Được hỗ trợ từ nguồn vay ưu đãi cho xây dựng các công trình xử lý chất thải. Miễn thuế và hỗ trợ tiếp thị cho các cơ sở chế biến phân hữu cơ vi sinh từ nguồn chất thải trong chăn nuôi.

- Các xã đề xuất thêm các chính sách hỗ trợ chăn nuôi đặc biệt là di dời cơ sở chăn nuôi (nên hỗ trợ theo đầu con hoặc quy mô chuồng trại (m^2 chuồng trại) với mức 30 - 50% so với xây dựng mới chuồng trại). Hoặc hỗ trợ lãi vay ngân hàng cho các hộ di dời vay cho xây dựng chuồng trại và sang nhượng quyền sử dụng đất làm trang trại chăn nuôi.

- Đề nghị Nhà nước có chính sách hỗ trợ các chủ trang trại tiếp cận được nguồn vốn ưu đãi trong nước. Hỗ trợ lãi suất vay để sang nhượng quyền sử dụng đất và xây dựng chuồng trại và hỗ trợ 20 - 30% chi phí xây dựng chuồng trại với các hộ di dời.

- Đề nghị Nhà nước cần có chính sách giảm thuế nhập khẩu nguyên liệu chế biến thức ăn gia súc, vôi bột làm biogas và các vật tư kỹ thuật có liên quan đến phát triển chăn nuôi.

g) Giải pháp về chính sách khuyến khích phát triển chăn nuôi tập trung và xúc tiến di dời các cơ sở chăn nuôi trong vùng cấm nuôi.

- Các chính sách hiện hữu có liên quan đến phát triển chăn nuôi: Các hộ chăn nuôi tại các vùng KKPTCN giai đoạn I được hưởng chính sách ưu đãi nhất về đất đai và đất xây dựng chuồng trại cũng là đất nông nghiệp nên không phải xin giấy phép xây dựng mà chỉ cần giấy phép chăn nuôi. Được hỗ trợ từ nguồn vay ưu đãi cho xây dựng các công trình xử lý chất thải. Miễn thuế và hỗ trợ tiếp thị cho các cơ sở chế biến phân hữu cơ vi sinh từ nguồn chất thải trong chăn nuôi.

- Các xã đề xuất thêm các chính sách hỗ trợ chăn nuôi đặc biệt là di dời cơ sở chăn nuôi (nên hỗ trợ theo đầu con hoặc quy mô chuồng trại (m^2 chuồng trại) với mức 30 - 50% so với xây dựng mới chuồng trại). Hoặc hỗ trợ lãi vay ngân hàng cho các hộ di dời vay cho xây dựng chuồng trại và sang nhượng quyền sử dụng đất làm trang trại chăn nuôi.

- Đề nghị Nhà nước có chính sách hỗ trợ các chủ trang trại tiếp cận được nguồn vốn ưu đãi trong nước. Hỗ trợ lãi suất vay để sang nhượng quyền sử dụng đất và xây dựng chuồng trại và hỗ trợ 20 - 30% chi phí xây dựng chuồng trại với các hộ di dời.

- Đề nghị Nhà nước cần có chính sách giảm thuế nhập khẩu nguyên liệu chế biến thức ăn gia súc, vải bạt làm biogas và các vật tư kỹ thuật có liên quan đến phát triển chăn nuôi.

10. Cơ chế quản lý và đầu tư trong vùng khuyến khích phát triển chăn nuôi

Sản xuất chăn nuôi là sản xuất nông nghiệp, phát triển chăn nuôi gắn với trồng trọt tạo thế phát triển nông nghiệp bền vững, hiệu quả kinh tế đi đôi với bảo vệ môi trường và nhu cầu xã hội. Vì vậy, các chủ trang trại khi đầu tư phát triển chăn nuôi vào vùng khuyến khích phát triển chăn nuôi có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- Trong các vùng KKPTCN và các cơ sở giết mổ tập trung, Nhà nước quản lý theo cơ chế hiện hành (đầu tư cơ sở hạ tầng, quản lý môi trường...), có các giải pháp cụ thể để đảm bảo việc xử lý, thực hiện quy hoạch được thuận lợi, đảm bảo tính khả thi.

- Các chủ trang trại khi đầu tư phát triển chăn nuôi vào vùng khuyến khích phát triển chăn nuôi có quyền và nghĩa vụ sau đây:

+ Nhà nước không thu hồi đất và giao đất cho sản xuất chăn nuôi mà các hộ có quyền chuyển nhượng để đầu tư phát triển trang trại.

+ Khi xây dựng chuồng trại, diện tích xây dựng so với khuôn viên trang trại không vượt quá 25% với trại heo và không vượt quá 40% với trại gà. Diện tích còn lại cần được duy trì cây lâu năm (nếu đã có), hoặc trồng mới, hoặc cải tạo vườn cũ. Trang trại phải có hàng rào theo đúng quy định.

+ Chủ trang trại không phải xin giấy phép xây dựng nhưng phải được thỏa thuận địa điểm chăn nuôi; không chuyển mục đích sử dụng đất nhưng phải khai báo biến động đất đai.

+ Chủ trang trại có trách nhiệm xử lý chất thải, nước thải, vệ sinh môi trường, đăng ký cam kết đảm bảo môi trường với phòng Tài nguyên và Môi trường.

+ Đất trong khu quy hoạch vùng khuyến khích phát triển chăn nuôi không bắt buộc phải chuyển sang chăn nuôi, việc đầu tư phát triển chăn nuôi hay không do chủ sử dụng đất quyết định. Nhưng khuyến khích các hộ chuyển sang phát triển chăn nuôi hoặc sang nhượng cho hộ khác phát triển chăn nuôi.

+ Khuyến khích các chủ trang trại chăn nuôi đầu tư xây dựng chuồng trại theo hướng hiện đại, hợp lý, đặc biệt ủng hộ theo hướng xây dựng chuồng kín.

+ UBND huyện giao việc tổ chức và quản lý phát triển các vùng khuyến khích phát triển chăn nuôi cho UBND các xã, UBND các xã có thể thành lập ban quản lý, hợp tác xã chăn nuôi cho tất cả các vùng khuyến khích phát triển chăn nuôi hoặc từng khu trên địa bàn xã, tùy theo tình hình thực tế của địa phương và có chủ trang trại tham gia để tự tổ chức quản lý theo đúng quy định của Nhà nước.

+ Quy hoạch vùng khuyến khích phát triển chăn nuôi sẽ được công bố rộng rãi, công khai tại từng xã trên địa bàn huyện. Trong ranh giới từ đường biên vùng

khuyến khích phát triển chăn nuôi đến các công trình công cộng, nhà ở,... phải tuân thủ theo Quyết định 01/2008/QĐ-UBND (03/01/2008) của UBND tỉnh Đồng Nai (nhằm tránh tình trạng khu chăn nuôi xây dựng trước các hộ đến xây dựng nhà ở sau đó khiếu nại ô nhiễm).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Chủ quản đầu tư: UBND huyện Vĩnh Cửu.

2. Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh Cửu có trách nhiệm

- Là cơ quan chủ đầu tư chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, đơn vị liên quan thông báo rộng rãi quy hoạch theo quy định. Tổ chức triển khai thực hiện quy hoạch theo các nội dung của báo cáo quy hoạch.

- Xây dựng kế hoạch cụ thể, phân kỳ đầu tư hàng năm, sắp xếp thứ tự dự án ưu tiên đầu tư để từng bước triển khai thực hiện có hiệu quả cao nhất quy hoạch đề ra.

- Căn cứ vào nội dung chính của quy hoạch, phối hợp với các sở, ngành, các tổ chức, thành phần kinh tế huy động các nguồn lực để cân đối và triển khai thực hiện đầu tư kinh phí và thời gian phù hợp.

3. Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn với chức năng nhiệm vụ được phân công, phối hợp với Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh Cửu và các sở, ngành liên quan triển khai thực hiện quy hoạch vùng chăn nuôi tập trung; kiểm tra, đôn đốc các địa phương, các tổ chức, cá nhân thực hiện theo quy hoạch.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày, kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Tài nguyên và Môi trường, Khoa học và Công nghệ, Giao thông Vận tải, Xây dựng, Công thương, Chủ tịch UBND huyện Vĩnh Cửu và các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Ao Văn Thịnh